

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀM THUẬN BẮC
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2022/HNGĐ-ST.

Ngày: 29/4/2022.

“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM THUẬN BẮC,
TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ung Thanh Quang

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Thành Hiếu

2. Ông Nguyễn Văn Tới

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Ngọc Hiệp – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 369/2021/TLST-HNGĐ ngày 03/11/2021, về việc: “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14a/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 02/3/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12a/2022/QĐST-HNGĐ ngày 31/3/2022 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:** Chị Trần Thị Mỹ H, sinh năm 1997

Địa chỉ: Thôn X, xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

***Bị đơn:** Anh Nguyễn T – sinh năm 1993

Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 25/10/2021 cũng như lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị Mỹ H trình bày: Chị và anh Nguyễn T cưới nhau vào năm 2015 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hàm Hiệp, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận. Việc cưới nhau là do hai bên tự nguyện. Sau khi cưới vợ chồng sống tại nhà chồng tại Thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận. Vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian khoảng 6 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do không hợp ý nhau, anh Nguyễn T không quan tâm đến vợ con, hay đánh chị vô cớ. Vợ chồng không còn sống chung và quan hệ tình cảm từ năm 2019, chị đã về nhà mẹ ruột ở từ đầu năm 2019 đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết:

1/ Về hôn nhân: Cho chị được ly hôn với Nguyễn T.

2/ Về con chung: Có 01 con tên Nguyễn Minh T1 - sinh ngày 15/10/2015 chỉ xin được nuôi con và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ/tháng (hai triệu đồng) cho đến khi cháu Nguyễn Minh T1 đủ 18 tuổi có khả năng lao động được hoặc có tài sản để nuôi sống bản thân.

3/ Về tài sản: không có, không yêu cầu giải quyết.

4/ Về nợ: không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn T vắng mặt nên không có trình bày gì.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc đề nghị: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Trần Thị Mỹ H đối với anh Nguyễn T, chị Trần Thị Mỹ H được ly hôn với anh Nguyễn T. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Minh T1 - sinh ngày 15/10/2015 cho chị Trần Thị Mỹ H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn T có quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung. Vì lợi ích của con, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết. Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Nguyễn T phải cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Minh T1 - sinh ngày 15/10/2015 mỗi tháng 2.000.000đ/tháng (hai triệu đồng mỗi tháng) cho đến khi cháu Nguyễn Minh T1 đủ 18 tuổi có khả năng lao động được hoặc có tài sản để nuôi sống bản thân.

Trong thời hạn chuẩn bị xét xử, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh Nguyễn T để tổng đạt văn bản tố tụng, nhưng anh Nguyễn T không đến Tòa án huyện để tham gia phiên Tòa. Do đó, vụ án giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định: Sự vắng mặt của anh Nguyễn T không thuộc T1 hợp phải hoãn phiên tòa vì anh Nguyễn T đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng nhưng cố tình vắng mặt chứng tỏ anh đã từ bỏ quyền tham gia tố tụng, không thực hiện nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và điểm b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Nguyễn T.

1. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tại quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14a/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 02/3/2022 đã ghi quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con”, qua thẩm tra tài liệu chứng cứ và các đương sự xác định yêu cầu của mình tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng đây là “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại xã Hàm Phú, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc có thẩm quyền giải quyết.

2. Về yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử phân tích như sau: Theo lời khai của chị Trần Thị Mỹ H thì chị và anh Nguyễn T sống chung với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hàm Hiệp, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận nên là hôn nhân hợp pháp. Chị Trần Thị Mỹ H khai nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn

là do cả hai không hợp ý nhau, anh Nguyễn T không lo làm ăn, phụ giúp gia đình mà suốt ngày ăn chơi, nhậu nhẹt, không quan tâm đến vợ con, hay đánh chị vô cớ. Vợ chồng không còn sống chung và quan hệ tình cảm từ năm 2019 và chị đã về nhà mẹ ruột ở từ đầu năm 2019 đến nay. Xuất phát từ nguyên nhân nêu trên căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì tình trạng hôn nhân của chị H và anh Nguyễn T rất trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài được, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Mỹ H.

3. Về con chung: Chị Trần Thị Mỹ H khai phù hợp các tài liệu có tại hồ sơ là vợ chồng có 01 con tên Nguyễn Minh T1 - sinh ngày 15/10/2015, hiện nay chị nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị xin tiếp tục nuôi con và yêu cầu anh T cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000đ/tháng (hai triệu đồng mỗi tháng) cho đến khi cháu Nguyễn Minh T1 đủ 18 tuổi có khả năng lao động được hoặc có tài sản để nuôi sống bản thân là phù hợp quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

4. Về tài sản và nợ: Chị Trần Thị Mỹ H không yêu cầu giải quyết nên Tòa không xem xét.

5. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Trần Thị Mỹ H không phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng chị là nguyên đơn phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

Anh Nguyễn T không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm nhưng phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 227, khoản 3 Điều 228 và điểm b khoản 1 Điều 238; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Mỹ H đối với anh Nguyễn T. Chị Trần Thị Mỹ H được ly hôn với anh Nguyễn T.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Minh T1 - sinh ngày 15/10/2015 cho chị Trần Thị Mỹ H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn T có quyền trông nom, chăm sóc,

nuôi dưỡng giáo dục con chung. Vì lợi ích của con, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

-Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Nguyễn T phải cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Minh T1 - sinh ngày 15/10/2015 mỗi tháng 2.000.000đ/tháng (hai triệu đồng) cho đến khi cháu Nguyễn Minh T1 đủ 18 tuổi có khả năng lao động được hoặc có tài sản để nuôi sống bản thân.

“Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các T1 hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ T1 hợp pháp luật có quy định khác”.

3. Về án phí, lệ phí: Chị Trần Thị Mỹ H nguyên đơn phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm do chị đã nộp đủ 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0001960 ngày 03/11/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận nên không phải nộp nữa. Chị Trần Thị Mỹ H không phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn T không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Trần Thị Mỹ H có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh Nguyễn T vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại địa phương.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện Hàm Thuận Bắc;
- Chi cục THADS huyện Hàm Thuận Bắc;
- Nơi đăng ký kết hôn UBND xã Hàm Hiệp;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Ung Thanh Quang